TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG HỶ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/HS-ST
Ngày: 10 - 10 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Minh Tuân

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Mác.

2. Ông Nguyễn Tất Dũng.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Ma Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại Hội trường UBND xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Mông Văn Q; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 16/4/1976.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Mông Văn M (đã chết); Con bà: Triệu Thị T, sinh năm 1950; có vợ: Lý Thị A, sinh năm 1980 và có 03 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 27/4/2018, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên khởi tố về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy".

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đồng Hỷ trong một vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa:

Ông Lê Quang N – Luật sư thuộc văn phòng Luật sư A, Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên, thực hiện trợ giúp pháp lý cho bị cáo Mông Văn Q. (Có mặt)

Người chứng kiến:

1. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1973. (Có mặt).

2. Ông Ngọc Sinh T, sinh năm 1957 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Xóm Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17giờ 30 phút ngày 19/4/2018, tổ công tác Công an huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên bắt quả tang Mông Văn Q, có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Thực hiện khám xét khẩn cấp nơi ở của Q, Cơ quan điều tra thu giữ 13 vật trụ tròn, có vỏ ngoài bằng kim loại màu trắng, kích thước dài 3,8cm, đường kính 0,6cm, được niêm phong ký hiệu K1; 01 túi nilon bên trong chứa chất bột màu đen, được niêm phong ký hiệu K2; 01 túi nilon bên trong chứa các hạt nhỏ màu trắng, niêm phong ký hiệu K3

Bản kết luận giám định số 623 ngày 02/5/2018 của phòng KTHS Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: 13 vật trụ tròn đều có đặc điểm: Vỏ bằng kim loại màu trắng, có kích thước dài 3,8cm; đường kính 0,6cm được niêm phong vào bì niêm phong ký hiệu K1 là kíp nổ, loại kíp nổ đốt, tính năng, tác dụng của kíp là kích nổ lượng thuốc nổ; Chất bột màu đen được niêm phong vào bì niêm phong ký hiệu K2 có khối lượng 32,583gam là vật liệu nổ, loại thuốc nổ đen, tính năng tác dụng của thuốc nổ đen là khi bị tác động nhiệt, cơ, điện, hóa thì có phản ứng cháy trong thời gian ngắn gây nổ phá hủy mục tiêu; Các hạt nhỏ màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu K3 có tổng khối lượng là 140,472 gam là vật liệu nổ, loại thuốc nổ ANFO, tính năng, tác dụng của thuốc nổ ANFO dùng để phá hủy mục tiêu khi bị kích nổ.

Tại Cơ quan điều tra, Mông Văn Q khai: Vào khoảng giữa năm 2013, khi Q đi khai thác đá thổ phỉ tại các khu vực thuộc xóm Đồng Chuỗng, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên, Q có mua của một người cùng đi khai thác đá một số lượng vật liệu nổ (Q không nhớ tên, địa chỉ người bán và số lượng vật liệu nổ đã mua). Sau khi mua được vật liệu nổ Q đã đem ra sử dụng thử một phần nhưng không nhớ rõ đã sử dụng bao nhiêu và sử dụng như thế nào, số vật liệu nổ còn lại Q đem về cất ở gác bếp của gia đình, đến ngày 19/4/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ thực hiện lệnh khám xét nhà Q đã phát hiện thu giữ, niêm phong số thuốc nổ này.

Lời khai của Mông Văn Q phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám xét, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác đã thu thập được.

Vật chứng liên quan đến vụ án, còn lại sau giám định gồm: 12 kíp nổ đốt, 10,681gam thuốc nổ đen, 116,626 gam thuốc nổ ANFO được niêm phong trong các bì ký hiệu lần lượt: 055049, 055023, 055050.

Toàn bộ vật chứng trên hiện đang được bảo quản tại kho của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên.

Tại bản cáo trạng số 28/CT – VKS – P1, ngày 10/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Mông Văn Q về tội "Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ" theo khoản 1 Điều 305 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm luận tội: Giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Mông Văn Q phạm tội "Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ";

Áp dụng khoản 1 Điều 305, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù giam;

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 12 kíp nổ đốt, (được niêm phong trong phong bì niêm phong số 055049).

+ 10.681 gam thuốc nổ đen, (được niêm phong trong phong bì niêm phong số 055023).

+ 116,626 gam thuốc nổ ANFO, (được niêm phong trong phong bì niêm phong số 055050).

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề sau:

- Về hành vi mua bán trái phép vật liệu nổ mà bản cáo trạng truy tố đối với bị cáo Luật sư thấy: Bản cáo trạng không đưa ra các căn cứ viện dẫn để truy tố đối với bị cáo về tội mua bán trái phép vật liệu nổ theo khoản 1 Điều 305 BLHS. Hồ sơ vụ án không có tài liệu nào xác định việc bị cáo mua số vật liệu nổ của ai?, mua vào lúc nào, ở đâu?, số lượng bao nhiêu?, giá mua bao nhiêu? Mà chỉ căn cứ vào lời khai của Q để truy tố xét xử bị cáo về hành vi mua bán là chưa có cơ sở vững chắc, bởi vì trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng được quy định tại Điều 15 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nếu số lượng vật liệu nổ thu giữ của bị cáo đủ để truy tố thì chỉ truy tố về tội tàng trữ trái phép vật liệu nổ.

- Đối với bản kết luận giám định số 623/KL – PC 54 ngày 02/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, qua nghiên cứu Luật sư thấy rằng: Trong kết luận giám định không nêu rõ tại thời điểm giám định thì số vật liệu nổ còn có đầy đủ tính năng, tác dụng của vật liệu nổ hay không?, bởi vì số vật liệu nổ này Q đã cất giữ từ năm 2013. Nếu tại thời điểm giám định không còn tính năng tác dụng của vật liệu nổ thì có truy tố, xét xử bị cáo về tội tàng trữ trái phép vật liệu nổ hay không?. Đề nghị Quý Viện kiểm sát và HĐXX xem xét.

- Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bị cáo Q không phải chịu tình tiết tăng nặng nào nếu đủ căn cứ kết tội bị cáo thì đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của vị Luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ, các lời khai của bị cáo, bản kết luận giám định đã khẳng định việc truy tố đối với bị cáo về tội tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ là có căn cứ vì vậy giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội: "Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ" theo quy định tại khoản 1 Điều 305 BLHS.

Về hình phạt đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã đề nghị với Hội đồng xét xử.

Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Vào giữa năm 2013, Mông Văn Q mua một số lượng vật liệu nổ để sử dụng khai thác đá tại xóm Đồng Chuỗng, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, nhưng sử dụng không hết còn lại 13 kíp nổ đốt, 32,583gam thuốc nổ đen và 140,72gam thuốc nổ ANFO, Q đem về nhà riêng của Q cất giấu. Ngày 19/4/2018, Q có hành vi mua bán trái phép chất ma túy bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên bắt quả tang, quá trình khám xét nhà ở của Q đã phát hiện số vật liệu nổ nêu trên ở gác bếp nhà riêng của Q.

Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào vật chứng thu giữ tại nhà riêng của bị cáo, các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều khẳng định số vật liệu nổ là của bị cáo mua lại của một người cùng khai thác đá từ năm 2013 (BL 66-67, 68), mặc dù bị cáo không nhớ mua số vật liệu nổ của ai, số lượng và giá tiền là bao nhiêu, tuy nhiên quá trình điều tra bị cáo đều khẳng định số vật liệu nổ thu giữ tại nhà bị cáo là của bị cáo mua lại của một người đàn ông cùng khai thác đá với bị cáo, mục đích bị cáo mua là để khai thác đá. Xét lời khai của bị cáo là khách quan, phù hợp với biên bản khám xét ngày 19/4/2018, kết luận giám định và hoàn toàn phù hợp với thực tế, vì vậy việc truy tố bị cáo về hành vi Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ là có căn cứ.

Đối với bản Kết luận giám định số 623/KL-PC54 ngày 02/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, căn cứ vào toàn bộ nội dung kết luận giám định, đối tượng giám định, phương pháp thực hiện và kết quả giám định, thời gian tiến hành giám định. Hội đồng xét xử thấy kết quả giám định tại bản kết luận giám định số 623/KL-PC54 ngày 02/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên là đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý vật liệu nổ của Nhà nước, đây là nguồn nguy hiểm cao đối với xã hội, việc mua bán, tàng trữ trái phép vật liệu nổ có thể gây nên những hậu quả rất nghiêm trọng về người và tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng, đe dọa nghiêm trọng đến tính mạng, tài sản của Nhà nước, tổ chức và công dân, gây ảnh hưởng lớn đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương . Vì vậy cần phải đ- ợc

xử lý bằng pháp luật hình sự, cần buộc bị cáo phải chịu mức án phù hợp với hành vi do bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra , phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thấy, việc truy tố để xét xử đối với bị cáo về tội: "Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ" theo khoản 1 Điều 305 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật như sau:

"1. *Người nào…tàng trữ...mua bán… trái phép…vật liệu nổ, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*".

[2]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Mông Văn Q có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ tỏ ra ăn năn hối cải, bố, mẹ đẻ bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào quy định tại Điều 52 BLHS.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận, lẽ ra cần phải phạt bổ sung một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 305 BLHS, tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập và là đối tượng nghiện ma túy nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và Điều luật áp dụng đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tuy nhiên về phần hình phạt có phần nghiêm khắc.

[3]. Vật chứng vụ án là vật liệu nổ còn lại sau giám định gồm có: 12 kíp nổ đốt; 10,681 gam thuốc nổ đen; 116,626 gam thuốc nổ ANFO cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

Bị cáo phải nộp án phí HSST và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, Lý Thị Ả là vợ của bị cáo Q, là người cùng chung sống và quản lý nhà ở với Q nhưng chị Ảnh không biết việc Q mua vật liệu nổ và mang về cất giấu trái phép tại nhà, do vậy Cơ quan điều tra không xử lý. Quá

trình điều tra nhận thấy Q còn có dấu hiệu của tội "Sử dụng trái phép vật liệu nổ" tuy nhiên Q không nhớ thời gian, địa điểm, cách thức và số lượng vật liệu nổ đã sử dụng, do vậy Cơ quan điều tra chưa đủ cơ sở khởi tố điều tra đối với Q về tội "Sử dụng trái phép vật liệu nổ". Về nguồn gốc số vật liệu nổ Mông Văn Q khai là mua của một người cùng khai thác đá với Q từ năm 2013, Q không nhớ tên, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở làm rõ.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Mông Văn Q phạm tội: "Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ", theo quy định tại khoản 1 Điều 305 BLHS.

1. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 305, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS: Xử phạt bị cáo Mông Văn Q: 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy:

+ 12 kíp nổ đốt, (được niêm phong trong phong bì niêm phong số 055049).

+ 10.681 gam thuốc nổ đen, (được niêm phong trong phong bì niêm phong số 055023).

+ 116,626 gam thuốc nổ ANFO, (được niêm phong trong phong bì niêm phong số 055050).

Giao số vật chứng trên cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên xử lý theo quy định của pháp luật.

(Tình trạng, số lượng, chủng loại vật chứng theo Quyết định về việc tiếp nhận vật chứng chờ xét xử số 331/QĐ-BCH ngày 10/7/2018 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên và biên bản bàn giao vật chứng 56/BB-NVC ngày 10/7/2018 giữa Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Thái Nguyên với Phòng kỹ thuật kho vũ khí đạn - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKS, CA huyện Đồng Hỷ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS Đồng Hỷ;
- Sở tư pháp TN;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đặng Minh Tuân